

Bản án số: 114/2024/HS-PT

Ngày: 05-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Quế

Các Thẩm phán: Ông Trần Trọng Nhân

Ông Trịnh Xuân Miên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hải Sơn, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Mộng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 107/2024/TLPT-HS ngày 14 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Lê Trần Phương D và các bị cáo khác do có kháng cáo của bị cáo D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 147/2024/HS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Trần Phương D (tên gọi khác là D1), sinh ngày 04/7/1988 tại T, Cà Mau; nơi cư trú: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Trần Thúy O; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt.

- Bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo và không bị kháng nghị (không được Tòa án triệu tập), gồm: Nguyễn Trọng N, Trần Quốc C và Cao Nhật A.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (không được Tòa án triệu tập), gồm: 01 người và 08 Ngân hàng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 17/4/2023, bà Nguyễn Hồng N1 nhận cuộc gọi từ số điện thoại +11995956445 thông báo thông tin cá nhân của bà N1 bị các đối tượng lợi dụng để đăng ký hồ sơ bảo hiểm giả và hướng dẫn bà N1 liên hệ Công an thành phố H để trình báo. Sau đó, có người tự xưng là Đại úy Công an thành phố H, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao và yêu cầu chuyển 650.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng L5 số 06517896001 tên Nguyễn Bích N2 trước 16 giờ ngày 17/4/2023

không thì sẽ bị bắt tạm giam. Do lo sợ bị bắt nên khoảng 14 giờ ngày 17/4/2023 bà N1 đã chuyển 650.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng số 06517896001 tên Nguyễn Bích N2 từ các tài khoản tiết kiệm của bà N1 ở các ngân hàng H1 (210.000.000 đồng), S1 (200.000.000 đồng), A2 (240.000.000 đồng). Đến sáng ngày 18/4/2023 các đối tượng tiếp tục yêu cầu bà N1 chuyển thêm 200.000.000 đồng trước 14 giờ ngày 18/4/2023 để được nhận lại toàn bộ số tiền. Bà N1 nghi ngờ bị lừa đảo nên đến cơ quan Công an tỉnh C trình báo. Bà đã giao nộp hình ảnh chụp các tin nhắn trao đổi giữa bà và các đối tượng, các ủy nhiệm chi chuyển tiền của bà vào tài khoản 06517896001 tên Nguyễn Bích N2.

* Qua tra cứu thì số tài khoản 06517896001 của Nguyễn Bích N2 sinh ngày 19/4/1994, cư trú tại số B, đường N, khóm F, phường I, thành phố C. Bà N2 khai nhận: Vào đầu tháng 4/2023, chồng bà là Mạch Minh C1 nói là quen biết với bạn trên mạng xã hội không nói tên gì, địa chỉ ở đâu, cần mua tài khoản ngân hàng, nếu đăng ký được và chuyển cho người mua thì sẽ được trả 2.500.000 đồng mỗi tài khoản. Cách làm là ông C1 liên hệ qua ứng dụng Telegram, bên mua sẽ chuyển trước 10% là 250.000 đồng (người mua dùng số tài khoản V1 0181003548368 tên Lê Trần Phương D chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng A2 của ông C1). Sau khi nhận được tiền, bà N2 đi mua sim Vinaphone, đến ngân hàng để đăng ký mở tài khoản online banking. Đến khi mở được tài khoản thì gửi sim điện thoại cho bên mua qua dịch vụ của xe Phương T1, cung cấp cho bên mua số tài khoản Internet Banking và mật khẩu đăng nhập. Khi nhận được sim thì bên mua chuyển thêm 40% (trên tổng số tiền 2.500.000 đồng), đến khi sử dụng được tài khoản Internet Banking thì sẽ chuyển đủ 50% còn lại.

Ngoài tài khoản 06517896001 mở tại ngân hàng L5, bà N2 còn mở 03 tài khoản tại các ngân hàng T11, B1, A3. Các tài khoản này bà N2 đều đã chuyển cho bên mua quản lý sử dụng. Bà N2 đã nhận được 10.000.000 đồng từ việc mở, bán 04 tài khoản ngân hàng nói trên. Khi mở tài khoản để bán thì bà N2 chỉ biết là bên mua sử dụng để giao dịch còn cụ thể thì bà không rõ. Số tiền 650.000.000 đồng trong tài khoản bà N2 không biết, bà không biết ai tên Trần Anh Đ, Lê Đức X và Nguyễn Hồng N1.

Quá trình điều tra xác định được vào khoảng cuối năm 2021, bị cáo Lê Trần Phương D qua Campuchia làm việc cho các sòng bạc trực tuyến. Đến khoảng giữa năm 2022, bị cáo Duy quen người sử dụng tài khoản Telegram tên “Ken” (không biết tên thật của người này, chưa gặp mặt). Ken gợi ý bị cáo D kiếm người mở tài khoản ngân hàng bán lại cho K. Một tài khoản ngân hàng K trả cho người mở tài khoản 2.500.000 đồng, trả cho D 10%- 20% trên số tiền trả cho người mở tài khoản là 250.000 đồng - 500.000 đồng. Tài khoản ngân hàng được mở phải đăng ký dịch vụ ngân hàng điện tử (I), chuyển thông tin gồm tên đăng nhập, mật khẩu và sim điện thoại đăng ký cho K kiểm tra. Khi K đăng nhập, sử dụng được trên thiết bị của K thì K mới trả tiền cho bị cáo D. Việc thanh toán giữa bị cáo D và K có lúc được thực hiện qua sàn giao dịch tiền điện tử R (<https://www.remitano.com>) có dẫn đường line thanh toán qua hòm thư điện tử là leduy47@gmail.com có lúc thì K chuyển khoản trực tiếp vào các tài khoản ngân hàng của bị cáo D mở tại ngân hàng M (số I) hoặc

ngân hàng V1 (số A). Sau khi K chuyển tiền thanh toán cho bị cáo D, bị cáo mới chuyển tiền trả cho người bán tài khoản ngân hàng.

Từ tháng 5/2022 đến 4/2023, bị cáo D đã mua 110 tài khoản ngân hàng của những đối tượng sau:

- Mua của bị cáo Trần Quốc C: 34 tài khoản (lỗi 04 tài khoản, sử dụng được 30 tài khoản). Trong đó: Bị cáo C mở 02 tài khoản, bị cáo Cao Nhật A bán lại cho bị cáo C 27 tài khoản, Nguyễn Văn Ú bán lại cho bị cáo C 05 tài khoản. Ngoài ra, bị cáo Nhật A còn bán riêng cho bị cáo D 01 tài khoản.

- Bị cáo Nguyễn Trọng N: 64 tài khoản (lỗi 09 tài khoản, sử dụng được 55 tài khoản).

- Mạch Minh C1: 11 tài khoản (sử dụng được 11 tài khoản), trong đó có tài khoản của Nguyễn Bích N2.

Sau khi các bị cáo N, C và C1 mở tài khoản ngân hàng thì sẽ chuyển cho bị cáo D sim điện thoại đăng ký dịch vụ ngân hàng điện tử qua dịch vụ chuyển phát của công ty Phương Trang lên Thành phố H. Sau đó, bị cáo D sẽ đến nhận hoặc nhờ người tên T2 ở quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) là shipper nhận giúp. Ken sẽ cho bị cáo D địa chỉ để bị cáo D gửi cho K (mỗi lần K cho thông tin người nhận, số điện thoại, địa chỉ khác nhau).

* Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Trọng N: Khoảng tháng 09/2022, bị cáo D và bị cáo N có mối quan hệ quen với từ trước, khi bị cáo D liên hệ với bị cáo N trao đổi về việc tìm người mở tài khoản ngân hàng bán cho bị cáo D thì bị cáo N đồng ý. Bị cáo N sử dụng số điện thoại 0948.980.772 để đăng nhập tài khoản Telegram để trao đổi việc mua bán tài khoản ngân hàng với bị cáo D (hiện nay bị cáo N không còn sử dụng số điện thoại này). Khi mở các tài khoản thì bị cáo D nói sử dụng mục đích chuyển tiền game, sử dụng 01 đến 02 lần sẽ bị khóa tài khoản. Các sim điện thoại thì bị cáo N mua sim khuyến mãi đã đăng ký sẵn để kích hoạt sử dụng dịch vụ Internet banking, sau đó gửi sim đến xe P3 ở quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Mỗi tài khoản bị cáo D trả bị cáo N 2.500.000đ, bị cáo N trả cho người mở tài khoản từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ. Bị cáo D cho bị cáo N ứng trước 10% là 250.000đ. Mục đích ứng tiền trước là để mua sim đăng ký tài khoản và chi phí đi lại.

Khi Bị cáo N giao thông tin tài khoản ngân hàng cho bị cáo D thì khoảng từ 02 đến 07 ngày sau bị cáo D chuyển khoản trả tiền cho bị cáo N, chuyển tiền từ tài khoản của bị cáo D (tài khoản mở tại ngân hàng M hoặc V1) vào tài khoản ngân hàng số 000007916149 tên Nguyễn Cẩm L mở tại ngân hàng S2 (bà L là mẹ của bị cáo N nhưng bị cáo N quản lý và sử dụng tài khoản này). Trong khoảng thời gian từ tháng 09/2022 đến tháng 12/2022, bị cáo N đã bán cho bị cáo D 64 tài khoản ngân hàng (lỗi 09 tài khoản, còn lại 55 tài khoản). Đối với các tài khoản bị lỗi thì bị cáo D thông báo không sử dụng được mật khẩu và ngân hàng khóa tài khoản, không nhận được mã kích hoạt OTP. Sau đó, bị cáo D và bị cáo N xảy ra mâu thuẫn trong việc thanh toán tiền nên bị cáo D không tiếp tục mua tài khoản ngân hàng từ bị cáo N. Tổng số tài khoản mà bị cáo N đã bán cho bị cáo D cụ thể như sau:

- 07 tài khoản ngân hàng của bị cáo N ở các ngân hàng: L6, T11, V1, V2, B1, N5 và A4 (chi nhánh B2). bị cáo D trả cho bị cáo N 17.500.000đ. Qua tra cứu tại A4 (chi nhánh B2) thì không có thông tin tài khoản của Nguyễn Trọng N. Tuy nhiên, D và N đều xác nhận là N bán 07 tài khoản nên có căn cứ chấp nhận.

- Bị cáo N mua 57 tài khoản của những người sau rồi bán lại cho bị cáo D. Cụ thể:

+ Ông Trần Văn Q là cha của bị cáo N: 04 tài khoản ở các ngân hàng L6, V1, N và V3. Lỗi 01 tài khoản, còn 03 tài khoản sử dụng được. Bị cáo D trả bị cáo N 7.500.000đ. Bị cáo N cho ông Q 3.000.000đ. Bị cáo N thu lợi 4.500.000đ

+ Bà Nguyễn Cẩm L sinh năm 1983, là mẹ bị cáo N: 04 tài khoản ở các ngân hàng L6, V2, V1 và B1. 01 tài khoản bị lỗi bị cáo N được trả 03 tài khoản là 7.500.000đ. Số tiền này N đã trả đủ cho bà L.

+ Nguyễn Văn T3 sinh năm 1971 là cha vợ của bị cáo N: 04 tài khoản ở các ngân hàng L6, V1, V2 và N5. Bị cáo D trả cho bị cáo N 10.000.000đ, bị cáo N không có trả tiền cho ông T3. Bị cáo N thu lợi 10.000.000đ.

+ Nguyễn Huỳnh N3 sinh năm 1998, là vợ N: 04 tài khoản ở các ngân hàng L6, B1, N6 chi nhánh B2 và A4 chi nhánh B2. Bị cáo D trả cho bị cáo N 10.000.000đ. Bị cáo N và N3 cùng sử dụng tiêu xài chung. Bị cáo N thu lợi 10.000.000đ

+ Trần Thị L1 sinh năm 1950 là bà nội N: 02 tài khoản ở ngân hàng L6 và N5. Do có 01 tài khoản bị lỗi nên bị cáo D trả cho bị cáo N 2.500.000đ, bị cáo N trả cho bà L1 2.500.000đ.

+ Lê Vũ L2 sinh năm 1988: 04 tài khoản ở các ngân hàng L6, V2, N5 và V1. Lỗi 01 tài khoản, còn 03 tài khoản. Bị cáo D trả 7.500.000đ. Bị cáo N trả cho L2 mỗi tài khoản 1.500.000đ - tiền sim 150.000đ còn 1.350.000đ. Ba tài khoản bị cáo nhân thu lợi 4.050.000đ.

+ Lê Đức T4 sinh năm 1986, trú xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau: 03 tài khoản ở các ngân hàng L6 02 tài khoản, V1 và V2. Lỗi 01 tài khoản, còn lại 02 tài khoản. Bị cáo D trả cho bị cáo N 5.000.000đ, bị cáo N trả cho T4 3.000.000đ.

+ Phan Ngọc V sinh năm 1989: 04 tài khoản ở các ngân hàng L6, V1, V2 và T11. Lỗi 01 tài khoản, còn lại 03 tài khoản. Bị cáo D trả cho bị cáo N 7.500.000đ, bị cáo N trả cho Vương 6.000.000đ.

+ Phan Đăng T5: N khai Trường bán 04 tài khoản ở các ngân hàng L6, V1, V2 và T11. T5 khai bán 04 tài khoản là A2, V3, B1 và M1. Qua tra cứu thì T5 có mở tài khoản ở L6, V1 và V3. bị cáo D trả bị cáo N 04 tài khoản 10.000.000đ, bị cáo N trả Trường 8.000.000đ. Bị cáo N thu lợi 2.000.000đ.

+ Thái A1: 04 tài khoản ở các ngân hàng L6, V1, V2 và T11. Qua tra cứu thì Thái A1 không có mở tài khoản ở ngân hàng T11. Tuy nhiên, Thái A1, N và D đều khai nhận là Thái A1 bán 04 tài khoản nên có căn cứ chấp nhận. Bị cáo D trả bị cáo N 10.000.000đ. Bị cáo N trả cho Thái A1 8.000.000đ.

+ Lê Vũ Lâm sinh năm 1994: 05 tài khoản ở các ngân hàng L6, V3, T11, B1 và N5. Bị cáo D trả 12.500.000đ, bị cáo N trả cho L3 6.000.000đ tiền sim hết 1.500.000đ.

+ Đặng Thị Nguyệt N4 sinh năm 1995(vợ Lê Vũ L3): 05 tài khoản ở các ngân hàng V2, L6, V1, B1 và N5. Lỗi 01 tài khoản, còn lại 04 tài khoản. bị cáo D trả cho bị cáo N 10.000.000đ. Bị cáo N trả cho N4 6.000.000đ.

- Ngoài ra bị cáo N còn kêu L3 giới thiệu, mỗi tài khoản mở bị cáo bị cáo N cho L3 hoa hồng. L3 đã giới thiệu cho ba người sau mở tài khoản ngân hàng, bị cáo N cho L3 1.500.000 đồng:

+ Nguyễn Nhật P sinh năm 2002: Phi mở 04 tài khoản ở các ngân hàng N, B1, L6 và V1. Lỗi 01 tài khoản, còn lại 03 tài khoản. Bị cáo D trả 7.500.000đ. Bị cáo N trả cho P 3.000.000đ.

+ Tạ Minh K1 sinh ngày 09/9/1983 và vợ là Đặng Kiều L4 sinh ngày 01/01/1983. K1 và L4 mỗi người mở 03 tài khoản ở các ngân hàng L6, B1 và V1. K1 và L4 mỗi người sử dụng được. Đặng Kiều L4 03 tài khoản, lỗi 01 tài khoản, còn lại 02 tài khoản. K1 và L4 được trả chung 5.750.000đ.

Như vậy:

- Ken trả cho bị cáo D 55 tài khoản là 165.000.000đ. Bị cáo D trả cho bị cáo N là 137.500.000đ, bị cáo D thu lợi bất chính 27.500.000đ.

- Bị cáo N trả cho người bán tài khoản là 62.800.000đ, bị cáo N thu lợi bất chính 74.700.000đ.

* Đối với hành vi của bị cáo Trần Quốc C và bị cáo Cao Nhật A: Khoảng tháng 09/2022, bị cáo D về Cà Mau chơi và gặp bạn học phổ thông là bị cáo C. Bị cáo D có hỏi bị cáo C về việc tìm người mở tài khoản ngân hàng bán cho bị cáo D, sẽ trả cho bị cáo C 2.500.000đ/ tài khoản thì bị cáo C đồng ý. Từ tháng 09/2022 đến cuối tháng 10/2022, bị cáo C đã tìm người mở tài khoản ngân hàng, chuyển cho bị cáo D thông tin tổng cộng 34 tài khoản ngân hàng. Trong đó có 04 tài khoản khi K kiểm tra thì không sử dụng được trên thiết bị của K nên K không thanh toán, còn lại 30 tài khoản sử dụng được. Trong 34 tài khoản này có 02 tài khoản của bị cáo C, 05 tài khoản mua lại của bị cáo Nguyễn Văn Ú và 27 tài khoản mua lại của bị cáo Cao Nhật A. Ngoài ra, bị cáo Nhật A còn trực tiếp bán D 01 tài khoản.

Mỗi tài khoản bị cáo C trả cho ông Ú và bị cáo Nhật A 2.000.000đ. Ông Ú và bị cáo Nhật A trả cho người bán tài khoản là 1.500.000đ/ tài khoản.

Sau khi làm xong tài khoản thì bị cáo Nhật A và ông Ú gặp trực tiếp đưa thông tin số tài khoản, mật khẩu và số điện thoại cho bị cáo C ở quán cà phê (không nhớ tên) ở phường H, thành phố C. Bị cáo C gửi xe lên cho bị cáo D ở quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số tài khoản mà bị cáo C bán cho bị cáo D cụ thể như sau:

- 02 tài khoản của bị cáo C ở ngân hàng L6, V3. bị cáo D trả cho bị cáo C 5.000.000 đồng.

- Nguyễn Văn Ú bán cho bị cáo C 05 tài khoản:

+ 02 tài khoản Nguyễn Văn Ú ở ngân hàng L6 và V2. Bị cáo D trả C 5.000.000đ. Bị cáo C trả Ú 4.000.000đ.

+ 02 tài khoản Nguyễn Văn T6 ở ngân hàng L6, V2. Bị cáo D trả bị cáo C 5.000.000đ. Bị cáo C trả cho ông Ú 4.000.000đ. Số tiền ông Ú đã đưa lại đủ cho ông T6.

+ 01 tài khoản Trần Quốc D2 ở ngân hàng L6. Bị cáo D trả bị cáo C 2.500.000đ. Bị cáo C trả Ú 2.000.000đ. Ông Ú đã đưa lại cho Danh số tiền trên.

- Bị cáo Cao Nhật A bán cho bị cáo C 27 tài khoản gồm:

+ Bị cáo Nhật A mở 03 tài khoản ở các ngân hàng V1, V3, L6 để bán cho bị cáo C với giá 2.000.000đ/01 tài khoản. Bị cáo D trả bị cáo C 7.500.000đ. Bị cáo C trả bị cáo Nhật A 6.000.000đ.

+ Bị cáo Anh thu mua 24 tài khoản, thu mua mỗi tài khoản từ 200.000đ đến 500.000đ. Bị cáo Nhật A mua sim số ảo không chính chủ để người bán mở tài khoản, có một số tự mua sim để mở tài khoản. Cụ thể như sau:

+ 02 tài khoản Trịnh Trí H ở ngân hàng L6 và V1 (lỗi 01 tài khoản). Bị cáo D trả bị cáo C 2.500.000đ, bị cáo C trả bị cáo Anh 2.000.000đ. Bị cáo A không trả tiền H.

+ 02 tài khoản Nguyễn Thanh S ở ngân hàng L6, V1. Bị cáo D trả cho C 5.000.000đ, bị cáo C trả cho Anh 4.000.000đ. Bị cáo Anh trả cho S 1.000.000đ.

+ 03 tài khoản tên Nguyễn Thanh T7 ở ngân hàng V3, V1, L6. Bị cáo D trả C 7.500.000đ. C trả Anh 6.000.000 đồng. Bị cáo Anh trả cho T7 1.000.000đ.

+ 03 tài khoản của Dương Thanh Đ1 ở ngân hàng L6, V3, V1. Lỗi 01 tài khoản, còn 02 tài khoản. Bị cáo D trả bị cáo C 5.000.000đ, bị cáo C trả bị cáo Nhật A 4.000.000đ. Bị cáo A trả cho Đ1 1.000.000đ.

+ 03 tài khoản Hồ Biển ở ngân hàng L6, V3, V1. Bị cáo D trả bị cáo C 7.500.000đ, bị cáo C trả bị cáo Anh 6.000.000đ. Bị cáo Nhật A trả cho B 1.500.000đ.

+ 03 tài khoản tên Nguyễn Văn T8 ở ngân hàng V2, V1, L6. Bị cáo D trả bị cáo C 7.500.000đ, bị cáo C trả bị cáo Anh 6.000.000đ. Bị cáo Nhật A trả cho T8 1.500.000đ.

+ 03 tài khoản tên Trần Hoàng D3 ở ngân hàng V3, V1 và L6. Lỗi 01 tài khoản, còn 02 tài khoản sử dụng được. Bị cáo D trả bị cáo C 5.000.000đ, bị cáo C trả bị cáo Anh 4.000.000đ.

+ 03 tài khoản tên Võ Thị Hoàng O1 ở ngân hàng V2, V1 và L6. Lỗi 01 tài khoản. Bị cáo D trả bị cáo C 5.000.000đ, bị cáo bị cáo C trả bị cáo Anh 4.000.000đ.

Bị cáo A trả chung cho bà O1 và D3 là 1.800.000đ/ 04 tài khoản.

+ 02 tài khoản của Lê Minh T9 ở ngân hàng L6, V1. Bị cáo D trả bị cáo C 5.000.000đ, bị cáo C trả bị cáo Anh 4.000.000đ. Bị cáo A không có trả tiền cho T9.

- Ngoài ra, bị cáo A bán cho bị cáo D 01 tài khoản BIDV của bị cáo A. Bị cáo D trả cho bị cáo Anh 2.500.000đ, bị cáo D thu lợi 500.000đ.

Tổng số tài khoản bị cáo A bán là 28 tài khoản (trong đó có 04 tài khoản là của bị cáo A, 24 tài khoản do bị cáo A mua lại của người khác).

Như vậy:

- Bị cáo D mua 34 tài khoản của bị cáo C (lỗi 04 tài khoản, còn 30 tài khoản sử dụng được). Ken trả bị cáo D 90.000.000đ, bị cáo D trả người bán 75.000.000đ, bị cáo D thu lợi bất chính 15.000.000đ. 01 tài khoản Anh bán cho bị cáo D, bị cáo D thu lợi 500.000đ. Tổng số tiền thu lợi bất chính của bị cáo D là 15.500.000đ.

- C bán 34 tài khoản ngân hàng được 75.000.000đ, C trả cho người bán 56.000.000đ, thu lợi bất chính 19.000.000đ (C thu mua 28 tài khoản, thu lợi 500.000đ/tài khoản, tổng là 14.000.000đ. Bán 02 tài khoản là 5.000.000đ).

- Bị cáo Anh bán cho bị cáo C 27 tài khoản ngân hàng được 46.000.000đ, bị cáo A trả cho người bán 7.800.000đ. Ngoài ra bị cáo A bán 01 tài khoản cho bị cáo D là 2.500.000đ. Tổng thu lợi bất chính của bị cáo A là 40.700.000đ.

* Đối với hành vi của Mạch Minh C1: Khoảng tháng 03/2023, bị cáo D liên hệ với Mạch Minh C1, để tìm người mở tài khoản ngân hàng bán cho D, D sẽ trả cho C1 2.500.000đ một tài khoản và C1 đồng ý thực hiện. Tổng cộng C1 đã bán cho bị cáo D 11 tài khoản ngân hàng, bị cáo D trả cho C1 27.500.000đ bằng cách chuyển tiền từ tài khoản của bị cáo D vào tài khoản ngân hàng do C1 cung cấp cho D. 11 tài khoản này bị cáo D được K trả 5.500.000đ. Sau đó thì xảy ra việc các tài khoản ngân hàng do C1 mở bị Cơ quan Công an phong tỏa do liên quan hành vi lừa đảo, C1 tự ý đến ngân hàng khóa tài khoản lại nên bị cáo D không giao dịch với C1 nữa. Cụ thể như sau:

+ 03 tài khoản ngân hàng của C1 ở các ngân hàng B1, T11, V2. Công nhận được 7.500.000đ.

+ 04 tài khoản ngân hàng của Nguyễn Bích N2 ở các ngân hàng L6, T11, B1, A3. N2 nhận được 10.000.000đ.

+ 02 tài khoản tên Nguyễn Bích T10 (chị vợ C1) ở ngân hàng T11 và B1. C1 có đưa T10 5.000.000đ. Sau đó, T10 nghe N2 nói bị mời làm việc đã đến ngân hàng yêu cầu khóa tài khoản.

+ 02 tài khoản tên Lâm Bích P1 ngân hàng T11 và L6. C1 đưa cho bà P2 5.000.000đ.

Như vậy: Bị cáo Lê Trần Phương D đã mua 110 tài khoản từ các bị cáo Trần Quốc C, Cao Nhật A, Nguyễn Trọng N và Mạch Minh C1 để bán lại cho K. Trong đó có 13 tài khoản bị lỗi, 97 tài khoản sử dụng được. K trả bị cáo D 291.000.000đ, bị cáo D trả người bán là 242.500.000đ. Bị cáo D thu lợi bất chính 48.500.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 147/2024/HS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân thành phố Cà Mau đã quyết định: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 291; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo D 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng”.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn xử phạt đối với các bị cáo còn lại, xử lý tiền thu lợi bất chính, vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/9/2024, bị cáo D kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc được cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo D, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số

147/2024/HS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau về phần hình phạt.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được hưởng án treo hoặc được cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Trần Phương D khai nhận hành vi phạm tội là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ. Cụ thể: Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023 các bị cáo D, N, C và Nhật A nhiều lần mua bán thông tin tài khoản ngân hàng của nhiều người mở tại các Ngân hàng, gồm: TMCP Bưu điện L7, TMCP Đ2, TMCP K2, TMCP Á, TMCP N7, TMCP Việt Nam T12, TMCP N8 nhằm thu lợi bất chính. Cụ thể: Bị cáo D đã mua 110 thông tin tài khoản ngân hàng của người khác (mua của Mạch Minh C1 11 tài khoản, mua của bị cáo N 64 tài khoản, mua của bị cáo C 34 tài khoản, mua của bị cáo Nhật A 01 tài khoản), rồi bán cho người tên K sống tại Campuchia để thu lợi 48.500.000đ; Bị cáo N bán thông tin tài khoản ngân hàng của nhiều người khác cho bị cáo D tổng số 64 tài khoản (gồm 07 tài khoản của bị cáo N và 57 tài khoản bị cáo N mua của nhiều người khác) thu lợi 74.700.000đ; Bị cáo C bán 34 thông tin tài khoản ngân hàng (gồm 02 tài khoản của bị cáo C, 27 tài khoản do bị cáo A bán và 05 tài khoản của Nguyễn Văn Ú bán) cho bị cáo D thu lợi 19.000.000đ; Bị cáo Anh bán 27 tài khoản ngân hàng (gồm 03 tài khoản của bị cáo A và 24 tài khoản bị cáo A mua của nhiều người khác) cho bị cáo C thu lợi 40.700.000đ. Với các tình tiết này, Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã xét xử các bị cáo về tội “Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng” theo Điều 291 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Trong đó, bị cáo D bị xét xử theo điểm a khoản 2 Điều 291, bị cáo N bị xét xử theo điểm a, d khoản 2 Điều 291, các bị cáo C và A bị xét xử theo khoản 1 Điều 291 của Bộ luật Hình sự. Sau khi xét xử, chỉ có bị cáo D kháng cáo.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, xâm phạm quyền được bảo vệ về bí mật thông tin cá nhân, xâm phạm trật tự, an toàn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và góp phần tạo điều kiện cho việc thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác, cụ thể trong vụ án này, các bị cáo đã tạo điều kiện cho các đối tượng khác thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Nguyễn Hồng N1 số tiền 650 triệu đồng. Các bị cáo mua bán thông tin tài khoản ngân hàng của người khác trái pháp luật vi phạm pháp luật hình sự, phạm tội thì bị xử lý và phải chịu hình phạt theo quy định.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo D: Bị cáo biết đối tượng K là người sống tại Campuchia cần mua tài khoản để thực hiện hành vi trái pháp luật nên cần nhiều tài khoản ngân hàng của nhiều người khác nhau. Bị cáo đã chủ động, khởi xướng rủ rê các bị cáo N, C thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Khi xét xử, cấp sơ thẩm đã có xem xét và đánh giá mức độ

ng nghiêm trọng của hành vi phạm tội, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Chưa có tiền án, tiền sự; Đã nộp lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính; có cậu ruột tên Trần Công Q1 là liệt sĩ. Bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên. Từ đó, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 tháng tù là có phần nhẹ so với vị trí, vai trò đầu vụ của bị cáo trong vụ án. Sau khi xét xử, bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ, với lý do bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi em ruột bị bệnh tâm thần, nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú. Do đó, kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận.

[4] Với các phân tích nêu trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau được chấp nhận

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo hoặc bị kháng nghị, đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 2 Điều 291, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Trần Phương D về việc xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 147/2024/HS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau về phần hình phạt.

2. Xử phạt bị cáo Lê Trần Phương D 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau;
- Công an thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HS, án văn, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế